NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
Đối tượng áp dụng: Khóa tuyển sinh 2017

Ngành: **QUẢN TRỊ KINH DOANH**
Chuyên ngành: *Quản trị Tài chính doanh nghiệp*
Mã số ngành: **52340101** Số tín chỉ tích lũy: **133**

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ						Mã HP học trước
			Tổng	LT	TH/ TN	TT	ĐA MH	KL TN	
I. GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			**49**	**49**	**0**	**0**	**0**	**0**	
Phần bắt buộc			***40***	***40***	***0***	***0***	***0***	***0***	
I.1. Các học phần về lý luận chính trị và pháp luật			**13**	**13**	**0**	**0**	**0**	**0**	
1	POL102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2	2					
2	POL103	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3	3					POL102
3	POL104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2					POL103
4	POL101	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	3	3					POL104
5	LAW101	Pháp luật đại cương	3	3					
I.2. Các học phần về ứng dụng CNTT và sử dụng ngoại ngữ			**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
I.3. Các học phần về khoa học tự nhiên, môi trường			**6**	**6**	**0**	**0**	**0**	**0**	
1	NAS203	Thống kê ứng dụng	3	3					
2	NAS101	Môi trường và con người	3	3					
I.4. Các học phần về kinh tế, quản lý và quản trị đại cương			**12**	**12**	**0**	**0**	**0**	**0**	
1	BUS101	Tinh thần khởi nghiệp	3	3					
2	MAN201	Quản trị học	3	3					
3	MAR201	Marketing căn bản	3	3					
4	ACC201	Kế toán đại cương	3	3					
I.5.Các học phần về khoa học xã hội, nhân văn và đa văn hóa			**6**	**6**	**0**	**0**	**0**	**0**	
1	SOS102	Văn Hiến Việt Nam	3	3					
2	SOS101	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3	3					
I.6. Các học phần về tố chất cá nhân chung			**3**	**3**	**0**	**0**	**0**	**0**	
1	SKL101	Phương pháp học đại học	3	3					
Phần tự chọn			**9**	**9**	**0**	**0**	**0**	**0**	
		(Chọn 1 trong 3 học phần)	3						
1	ENG201	Tiếng Anh giao tiếp 1		3					
2	NAS202	Toán cao cấp		3					
3	INT201	Đại cương về công nghệ thông tin và truyền thông		3					
		(Chọn 1 trong 3 học phần)	3						
4	PSY201	Tâm lý học đại cương		3					
5	SOS204	Các vấn đề xã hội đương đại		3					
6	ENG202	Tiếng Anh giao tiếp 2		3					ENG201
		(Chọn 1 trong 3 học phần)	3						
7	SKL202	Kỹ năng hành chính văn phòng		3					
8	VIE201	Kỹ năng sử dụng Tiếng Việt		3					

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ						Mã HP học trước
			Tổng	LT	TH/ TN	TT	ĐA MH	KL TN	
9	SOS205	Giao tiếp đa văn hóa		3					
II. GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			**84**	**50**	**3**	**7**	**0**	**0**	
II.1. Các học phần cơ sở ngành			**18**	**17**	**0**	**1**	**0**	**0**	
II.1a. Phần bắt buộc			**15**	**14**	**0**	**1**	**0**	**0**	
1	ECO303	Kinh tế vi mô	3	3					
2	ECO304	Kinh tế vĩ mô	3	3					
3	ECO302	Kinh tế lượng	3	3					
4	FIN301	Lý thuyết Tài chính - tiền tệ	3	3					
5	FIN302	Nhập môn ngành Quản trị Tài chính doanh nghiệp	2	2					
6	FIN303	Trải nghiệm ngành, nghề	1			1			
II.1b. Phần tự chọn			**3**	**3**	**0**	**0**	**0**	**0**	
		(Chọn 1 trong 5 học phần)	3						
1	BUS302	Đạo đức trong kinh doanh		3					
2	BUS306	Thương mại điện tử		3					
3	PUR410	Quan hệ công chúng		3					
4	BUS305	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh		3					
5	MAN405	Nghệ thuật lãnh đạo		3					
II.2. Các học phần chuyên ngành			**49**	**33**	**0**	**6**	**0**	**0**	
II.2a. Phần bắt buộc			**37**	**33**	**0**	**6**	**0**	**0**	
1	BUS424	Pháp luật trong kinh doanh	3	3					
2	FIN428	Thuế	3	3					
3	FIN420	Tài chính doanh nghiệp cơ bản	3	3					
4	BUS427	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế	3	3					
5	FIN405	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	1	3					
6	FIN427	Thị trường tài chính	3	3					
7	FIN415	Quản trị rủi ro tài chính	3	3					
8	FIN418	Tài chính cá nhân	3	3					
9	FIN407	Định giá doanh nghiệp	3	3					
10	FIN421	Tài chính doanh nghiệp nâng cao	3	3					
11	FIN412	Phân tích báo cáo tài chính	3	3					
12	FIN439	Thực tập cơ sở QT Tài chính doanh nghiệp	3			3			
13	FIN440	Thực tập nghề nghiệp QT Tài chính doanh nghiệp	3			3			
II.2b. Phần tự chọn			**12**						
		(Chọn 1 trong 3 học phần)	3						
1	FIN419	Tài chính công ty đa quốc gia		3					
2	BUS433	Lập phương án kinh doanh		3					
3	FIN413	Phân tích tài chính trên excel		3					
		(Chọn 1 trong 3 học phần)	3						
4	FIN408	Nghiệp vụ kinh doanh ngoại hối		3					
5	ACC409	Kế toán quản trị		3					
6	ACC410	Kế toán tài chính		3					
		(Chọn 1 trong 3 học phần)	3						
7	MAN409	Quản trị chiến lược		3					
8	FIN422	Tài chính quốc tế		3					

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ						Mã HP học trước
			Tổng	LT	TH/ TN	TT	ĐA MH	KL TN	
9	ACC412	Kiểm toán căn bản		3					
		(Chọn 1 trong 3 học phần)	3						
10	BUS415	Dự báo kinh doanh và phân tích dữ liệu		3					
11	PRO408	Quản lý danh mục đầu tư		3					
12	BUS430	Truyền thông trong kinh doanh		3					
		Các HP tự chọn thay thế KLTN:	*12*						
13	MAN412	Quản trị dự án đầu tư	3	3					
14	FIN434	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3	3					
15	BUS419	Khởi nghiệp kinh doanh	3	3					
16	BUS425	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	3					
II.3. Các học phần tốt nghiệp			**17**	**0**	**0**	**5**	**0**	**12**	
1	FIN539	Thực tập tốt nghiệp	5			5			FIN431
2	FIN540	Khóa luận tốt nghiệp	12					12	FIN536
III.HỌC PHẦN KHÔNG TÍCH LŨY			**11**	**0**	**3**	**0**	**0**	**0**	
1		Tin học chuẩn đầu ra							
2		Ngoại ngữ chuẩn đầu ra							
3		Kỹ năng mềm							
4	PHT101	Giáo dục thể chất 1	1		1				
5	PHT102	Giáo dục thể chất 2	1		1				
6	PHT103	Giáo dục thể chất 3	1		1				
7	DEE104	Giáo dục quốc phòng	8						